

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 50,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng nước làm dung môi.

Định lượng

Cân chính xác khoảng 2 g bột dược liệu (qua rây số 355) cho vào bình Soxhlet rồi chiết bằng hoặc ethanol 96 % (TT) cho đến khi hết alkaloid [chiết khoảng 2 h, xác định theo Phụ lục 12.3, dùng 1 giọt thuốc thử Mayer (TT)]. Cắt thu hồi dung môi. Hòa tan căn bằng 10 ml dung dịch acid hydrochloric 1 % (TT). Lọc lấy dịch acid. Tráng căn và giấy lọc với khoảng 5 ml dung dịch acid hydrochloric 1 % (TT) và gộp chung với dịch lọc trên. Kiểm hóa dịch lọc bằng amoniac (TT) tới pH 10, chiết với ether (TT) 5 lần, 2 lần đầu mỗi lần 15 ml và 3 lần sau mỗi lần 10 ml. Sau đó chiết tiếp bằng cloroform (TT) 4 lần, mỗi lần 10 ml. Gộp dịch chiết ether và cloroform. Làm bay hơi trên cách thủy tới khô. Hòa tan căn với 10,0 ml dung dịch acid hydrochloric 0,1 N (CD), thêm 5 ml nước và 2 giọt dung dịch đỏ methyl (TT), chuẩn độ acid thừa bằng dung dịch natri hydroxyd 0,1 N (CD). Hàm lượng phần trăm alkaloid toàn phần (X%) được tính theo công thức:

$$X (\%) = \frac{(10 - n) \times 3,75}{a}$$

Trong đó:

n là thể tích dung dịch natri hydroxyd 0,1 N (CD) đã dùng, tính bằng ml.

a là khối lượng bột dược liệu đem định lượng đã trừ độ ẩm, tính bằng gam.

Dược liệu phải chứa ít nhất 0,50 % alkaloid toàn phần tính theo tuberostemonin ($C_{22}H_{33}NO_4$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Bách bộ phiến: Lấy Bách bộ khô nguyên củ, rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày, phơi hoặc sấy khô.

Bách bộ chích mật: Lấy Mật ong hòa trong 100 ml nước, khuấy đều, trộn đều dịch mật với Bách bộ phiến cho ngấm, ủ qua đêm (khoảng 12 h), sau đó sao nhỏ lửa tới khi các phiến có màu nâu nhạt. 1,0 kg Bách bộ phiến dùng 100 g Mật ong. Dược liệu sau khi chế là các lát dày, màu nâu nhạt, sẫm màu hơn Bách bộ phiến, mùi thơm, vị đắng ngọt.

Bách bộ chích rượu: Tẩm rượu sao như hướng dẫn tại Phụ lục 12.20. Cứ 1,0 kg Bách bộ phiến dùng 200 ml rượu. Dược liệu sau khi chế là các lát dày, màu nâu nhạt, mùi thơm, vị đắng, ngọt.

Bảo quản

Để nơi khô, tránh ẩm, mốc.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, đắng, tính vi ôn. Vào kinh phế.

Công năng, chủ trị

Nhuận phế, chỉ khái, sát trùng. Chủ trị: Ho, viêm phế quản, ho gà, giun đũa.

Bách bộ tẩm mật còn được dùng trị âm hư, lao khái. Dùng ngoài trị giun kim, chấy, rận, ghẻ lở, ngứa âm hộ.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 12 g, dạng thuốc sắc, cao, viên. Thường phối hợp với các vị thuốc khác.

Dùng ngoài (dạng không chế): Lượng thích hợp, nấu lấy nước để rửa hoặc nấu cao để bôi, xoa.

Kiêng kỵ

Tỳ vị hư yếu không dùng.

BÁCH HỢP (Thân hành)

Lilii Bulbus

Tỏi rừng

Vẩy tép được làm khô lấy ở thân hành (còn gọi là củ) của cây Bách hợp (*Lilium brownii* F.E.Br. ex Miellez hoặc *Lilium pumilum* DC.), họ Hoa loa kèn (Liliaceae). Thu hái vào cuối mùa hạ đến đầu mùa thu, lúc trời khô ráo, đào lấy thân hành, rửa sạch đất cát, phơi cho hơi se, tách ra từng vẩy, phơi khô.

Mô tả

Vẩy hình bầu dục dài, dài 2 cm đến 5 cm, rộng 1 cm đến 2 cm, phần giữa dày 1,3 mm đến 4 mm, mặt ngoài màu trắng ngà, màu vàng nâu hoặc hơi tía, có các gân dọc màu trắng (các bó mạch), đỉnh nhọn, gốc tương đối phẳng, mép mỏng, không có răng cưa, hơi cong vào phía trong. Chất cứng và dai, mặt gãy phẳng, trơn bóng như sừng. Không mùi, vị hơi đắng.

Ghi chú: Loại vẩy dài 3 cm đến 4 cm, dày 4 mm, rộng 9 mm, màu ngà trong sáng là loại vừa. Loại tép khô, mỏng, không bị đen, không mốc, phần trên không mọt, không có tạp chất, có nhiều chất nhớt (lúc tươi), bề rộng 1 cm là loại tốt nhất.

Vi phẫu

Mặt cắt ngang có hình bầu dục hẹp. Ngoài cùng là biểu bì gồm các tế bào xếp đều đặn. Phía trong là mô mềm tế bào hình nhiều cạnh chứa đầy tinh bột. Rải rác có những bó mạch.

Bột

Màu vàng nhạt. Quan sát trên kính hiển vi thấy: các mảnh biểu bì, mảnh mô mềm với tế bào chứa tinh bột. Hạt tinh bột hình trứng, rốn hình sao hay hình mắt chim có vân rõ. Rải rác có các mảnh mạch mạng.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Dung lớp trên của hỗn hợp dung môi gồm ether dầu hỏa (60 °C đến 90 °C) - ethyl acetat - acid formic (15 : 5 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 1 g bột dược liệu vào bình nón, thêm 10 ml *methanol* (TT), lắc hoặc siêu âm 20 min, lọc. Cô dịch lọc đến còn 1 ml dùng làm dung dịch thử.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 1 g Bạch hợp (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí, phun *dung dịch acid phosphomolybdic 10 % trong ethanol* (TT), sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 3,0 % (Phụ lục 9.8).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 18,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết lạnh (Phụ lục 12.10), dùng *nước* làm dung môi.

Chế biến

Bách hợp thái lát: Lấy vảy Bách hợp khô, loại bỏ tạp chất, thái lát (hoặc cắt đoạn), dùng sống.

Bách hợp tẩm mật sao: Để nhuận phế bổ phổi, trị viêm họng. Cứ 10 kg Bách hợp đã thái lát dùng 0,5 kg mật ong canh với nước sạch (hoặc nước đun sôi để nguội), trộn đều với Bách hợp, ủ 2 h, cho vào chảo sao nhỏ lửa đến khi cầm dược liệu không dính tay là đạt.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi thoáng, khô.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, nơi khô. Nên dùng trong 30 ngày từ khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính hàn. Vào các kinh tâm, phế.

Công năng, chủ trị

Dưỡng âm nhuận phế, chỉ ho; định tâm an thần, thanh nhiệt lợi tiểu. Chủ trị: ho lao, thổ huyết, đau thắt vùng ngực khi tim hồi hộp, ngủ kém, đau cổ họng, phù thũng.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 12 g, dạng thuốc sắc hoặc trong bài thuốc hoàn tán.

Kiêng kỵ

Người bị cảm phong hàn, phế hàn, nhịp tim chậm không được dùng.

Ghi chú

Thân hành của cây Bách hợp *Lilium poilanei* Gagnep. cũng được sử dụng như vị thuốc Bách hợp ở Việt Nam.

Không nhầm dược liệu với vảy của Tỏi voi vì dùng không có kết quả. Nếu nhầm với Tỏi hải thông thì rất độc (dễ chết người), loại này rất ít chất nhớt, vị cay.

BẠCH CẬP (Thân rễ)

Bletillae striatae Rhizoma

Thân rễ (còn gọi là củ) được làm khô của cây Bạch cập [*Bletilla striata* (Thunb.) Reichb. f.], họ Lan (Orchidaceae). Thu hoạch vào cuối mùa thu. Đào lấy thân rễ, bỏ rễ con, rửa sạch, đồ chín (khi mặt cắt trong suốt không thấy vệt trắng), lấy ra phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Thân rễ hình cầu đẹp (hình dạng như con ốc xoắn, đẹp), không đều, có 2 đến 3 nhánh dạng móng, dài 1,5 cm đến 5 cm, dày 0,5 cm đến 1,5 cm. Mặt ngoài vàng nhạt hoặc trắng xám, có các vòng đồng tâm và có các nốt màu nâu là sẹo của rễ con, các sẹo của thân nhô cao lên ở phần trên, phần dưới có vết nổi của củ khác. Chất cứng chắc và khó bẻ gãy, mặt cắt ngang màu hơi trắng, trong như sừng. Không mùi. Vị đắng, nhai dính, dẻo.

Củ có màu vàng nhạt, chắc cứng là loại tốt.

Bột

Màu trắng ngà hay vàng nhạt, hơi ánh nâu. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Các mảnh biểu bì tế bào thành dày, uốn lượn. Tinh thể calci oxalat hình kim tập trung thành bó, dài 18 µm đến 88 µm, nằm trong các tế bào lớn, hình gần tròn, chứa chất nhầy hoặc nằm rải rác bên ngoài. Bó sợi đường kính 11 µm đến 30 µm, thành tế bào hóa gỗ có lỗ hình bầu dục hay hình chữ V. Các mảnh mạch thang, mạch vạch, mạch xoắn, đường kính 10 µm đến 32 µm. Khối hạt tinh bột hồ hóa không màu.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Cyclohexan - ethyl acetat - methanol* (6 : 2,5 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 2 g bột dược liệu vào bình nón, thêm 20 ml *methanol* 70 % (TT), lắc siêu âm 30 min, lọc. Bốc hơi dịch lọc đến khô, hòa tan căn trong 20 ml *nước*. Tiến hành chiết 2 lần, mỗi lần với 20 ml *ether* (TT), gộp các dịch chiết ether, bốc hơi trên cách thủy tới còn khoảng 1 ml.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 1 g bột Bạch cập (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl dung dịch thử và 10 µl dung dịch đối chiếu. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí. Phun *dung dịch acid sulfuric 10 % trong ethanol* (TT), sấy ở 105 °C trong vài phút, để yên 30 min đến 60 min. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.